

Bản án số: 41/2022/HNGĐ - ST

Ngày 05/12/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB - TA ngày 23/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1995; nơi đăng ký HKTT: Thôn Hòa N, xã Tiên Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn An H, xã Quang T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Hòa N, xã Tiên Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

(Chị Ng, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau tự nguyện, được UBND xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2018. Sau khi kết hôn anh chị sống tại quê Tiên Động, Tứ Kỳ. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc

được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh L.

Về con chung : Chị và anh L có một con chung là Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/5/2019, hiện con đang sống cùng với anh L. Vợ chồng ly hôn chị đồng ý để anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đồng ý sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh L.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Phạm Văn L trình bày: Anh và chị Lê Thị N kết hôn với nhau là tự nguyện, được UBND xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2018. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm với vợ chồng không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc, chị Ng xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh L và chị Ng có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/5/2019. Hiện nay cháu Trâm đang ở với anh, vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Ng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Ng, anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N là đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N, đề nghị xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Phạm Văn L; Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn L trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/5/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị Ng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N khởi kiện ly hôn anh Phạm Văn L; nơi cư trú tại xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết anh L đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L xin vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, chị Ng, anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 27/02/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh L là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị Ng, anh L, có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, do hai người không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có mặt nhưng anh đã có văn bản thể hiện quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Ng. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Ng ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Ng và anh L có một con chung là Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/5/2019, hiện tại con đang sống cùng với anh L. Khi ly hôn anh L có quan điểm đề nghị Tòa án giao con cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy: cháu Trâm tuy còn nhỏ nhưng cháu đang ở ổn định với anh L, anh L có nguyện vọng muốn được nuôi con chị Ng nhất trí, chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị Ng phải thực hiện nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Ng và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ng khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N; Xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị anh Phạm Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Quỳnh T, sinh ngày 08/5/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị Ng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Lê Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/000730 ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Nhân Trác

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xác định: Anh L và chị Ng kết hôn với nhau vào năm 2018, được UBND xã Tiên Động cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2018. Sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian sinh sống tại địa phương, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng anh chị địa phương không nắm được, anh chị chưa lần nào có đơn gửi ra UBND xã để địa phương tổ chức hòa giải, hiện tại chị Ng đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Theo quan điểm của địa phương nếu chị Ng kiên quyết ly hôn anh L, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật để anh chị sớm ổn định cuộc sống và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con.